

Bản án số: 2928/2026/DS-ST

Ngày: 09 - 7 - 2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hạp Thị Thanh

2. Bà Phạm Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 578/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 620/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa số 451/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Toà nhà S – 111A P, phường B (nay là phường S), Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Trương Thị Thanh T

2/ Ông Nguyễn Minh T

3/ Bà Nguyễn Thị Thanh V

4/ Ông Huỳnh Văn K

Cùng địa chỉ nhận văn bản: 176 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 407007.25 ngày 15/12/2025).

(Ông T có mặt)

Bị đơn: 1/ Ông Phạm Bảo T, sinh năm 1985

2/ Bà Lê Thị Phương T1, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: 25A L, phường T, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T3, Thành phố Hồ Chí Minh) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Ngân hàng) cấp tín dụng cho ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 như sau:

1/ Hợp đồng tín dụng số 7759170.20 ngày 10/9/2020 với nội dung: Ngân hàng cho ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 vay số tiền 416.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 51H – 789.69, theo Hợp đồng mua bán số 800/HĐMB/TESC-GV/2020VK0, thời hạn vay là 84 tháng từ ngày 11/9/2020 đến ngày 10/9/2027, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,4%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong vòng 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm quy định theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm.

2/ Hợp đồng tín dụng số 1222604.20 với nội dung Ngân hàng cho ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T vay số tiền 416.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát là 51H – 794.22, theo Hợp đồng mua bán số 801/HĐMB/TESC-GV/VK0, thời hạn vay 84 tháng từ ngày 01/10/2020 đến ngày 30/9/2027, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,4%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm

3/ Đề nghị phát hành thẻ ngày 05/9/2023, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 số tài khoản là 000000000899046, hạn mức 41.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm gồm:

1/ Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 2840224.20 ngày 10/9/2020, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA , loại VIOS, biển kiểm soát 51H – 789.69 đứng tên ông Phạm Bảo T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 601831 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2020.

2/ Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1971777.20 ngày 29/9/2020, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA , loại VIOS, biển kiểm soát 51H – 794.22 đứng tên ông Phạm Bảo T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 605375 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/9/2020.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 12/5/2025, ông T và bà T1 chỉ trả được 723.030.112 đồng, trong đó, nợ gốc là 435.100.000

đồng, nợ lãi là 287.930.112 đồng. Khoản nợ của ông T và bà T1 đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 17/11/2024.

Tạm tính đến ngày 09/7/2026, ông ông T và bà T1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền của các Hợp đồng tín dụng nêu trên là 676.171.179 đồng, bao gồm:

1/ Hợp đồng tín dụng số 7759170.20 là 290.443.512 đồng, trong đó, nợ gốc là 196.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 28.353.507 đồng, nợ lãi quá hạn là 66.090.005 đồng.

2/ Hợp đồng tín dụng số 1222604.20 là 296.794.865 đồng, trong đó, nợ gốc là 200.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.262.713 đồng, nợ lãi quá hạn là 66.632.153 đồng.

3/ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng số tài khoản là 000000000899046 là 88.932.802 đồng, trong đó, nợ gốc là 38.950.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.022.704 đồng, nợ lãi quá hạn là 32.960.098 đồng.

Nay, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 09/7/2026 như đã nêu trên là 676.171.179 đồng.

Ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10/7/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu ông T và bà T1 không trả toàn bộ số nợ thì ngân hàng tự mình hoặc có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của ông T và bà T1. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết nợ thì ông T và bà T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho ngân hàng.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 09/7/2026 như đã nêu trên là 676.171.179 đồng. Nếu đến hạn mà ông T và bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh

toán hết nợ thì ông T và bà T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho ngân hàng. Ông T và bà T1 phải chịu án phí và các chi phí tố tụng có liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Ngân hàng), Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Do bị đơn ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 có nơi cư trú tại quận T2 (nay là phường T2, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân quận T2 (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Ông Phạm Bảo T, bà Lê Thị Phương T1 đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về nợ gốc:

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 7759170.20 ngày 10/9/2020; Hợp đồng tín dụng số 1222604.20 ngày 29/9/2020, Đề nghị phát hành thẻ ngày 05/9/2023 và lời trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 có vay tiền của Ngân hàng.

- Tại các Hợp đồng tín dụng nói trên giữa Ngân hàng với Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 quy định về thời hạn trả nợ. Theo quy định, khách hàng trả không đầy đủ, đúng hạn khoản cấp tín dụng theo hợp đồng thì coi là sự kiện vi phạm. Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”*.

- Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không tiếp tục trả nợ gốc cho nguyên đơn mặc dù đã được nguyên đơn thông báo nhắc nợ là đã vi phạm điều khoản thoản thuận giữa các bên theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Căn cứ vào sao kê, quá trình thanh toán gốc của các hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn khởi kiện ông Phạm Bảo T, bà Lê Thị Thanh T1 yêu cầu thanh toán nợ gốc tạm tính đến ngày 09/7/2026 theo Hợp đồng tín dụng số 7759170.20 ngày 10/9/2020; Hợp đồng tín dụng số 1222604.20 ngày 29/9/2020, Đề nghị phát hành thẻ ngày 05/9/2023 với số tiền 4.35.850.000 đồng (trong đó Hợp đồng tín dụng số 7759170.20 ngày 10/9/2020 là 196.000.000 đồng, Hợp

đồng tín dụng số 1222604.20 ngày 29/9/2020 là 200.900.000 đồng; Đề nghị phát hành thẻ ngày 05/9/2023 là 38.950.000 đồng), là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán lãi:

- Tại Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2890932.20 ngày 30/9/2020 và số 4686846.20 ngày 10/9/2020 có thỏa thuận lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.4%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay; lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm. Tại Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng có quy định về lãi suất và phí.

- Tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng*", ngoài ra, tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Vì Ngân hàng có chức năng hoạt động tín dụng nên lãi suất sẽ do thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng. Do đó, nguyên đơn căn cứ vào lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Đề nghị phát hành thẻ là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Xét, do ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Q theo Hợp đồng tín dụng số 7759170.20 ngày 10/9/2020; Hợp đồng tín dụng số 1222604.20 ngày 29/9/2020, Đề nghị phát hành thẻ ngày 05/9/2023 tạm tính đến ngày 09/7/2026 là 676.171.179 đồng (trong đó nợ gốc là 435.850.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 74.638.924 đồng, lãi quá hạn là 165.682.256 đồng). Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 7759170.20 ngày 10/9/2020: Nợ gốc là 196.000.000 đồng, nợ lãi là trong hạn là 28.353.507 đồng, nợ lãi quá hạn là 66.090.005 đồng. Tổng cộng là 290.443.512 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 1222604.20 ngày 29/9/2020: Nợ gốc là 200.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.262.713 đồng, nợ lãi quá hạn: 66.632.153 đồng

+ Đề nghị phát hành thẻ ngày 05/9/2023: Nợ gốc là 38.950.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.022.704 đồng, nợ lãi quá hạn là 32.960.098 đồng.

[4.4]. Về thời hạn thanh toán: Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi một lần ngay sau khi án có hiệu lực. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 601831 và số 605375 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì ông Phạm Bảo T là chủ sở hữu đối với xe ô tô biển số 51H – 789.69, hiệu TOYOTA, loại xe: Ô tô con; số máy 2NRX610051, số khung 8F31L5092876 và xe ô tô biển số 51H – 794.22, hiệu TOYOTA, loại xe: Ô tô con, số máy 2NRX 615714, số khung 8F33L5094080 là tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 2840224.20 ngày 10/9/2020 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1971777.20 ngày 29/9/2020.

Xét, theo quy định của Hợp đồng thế chấp thì bị đơn có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp là Ngân hàng để xử lý theo quy định pháp luật. Đồng thời, tại tiểu mục 1.1 Điều 1 của các Hợp đồng thế chấp nói trên quy định về nghĩa vụ bảo đảm như sau: *“Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên B, hiện tại cũng như tương lai, đã phát sinh hoặc có thể phát sinh riêng rẽ hoặc liên đới với bất kỳ người nào khác cho bên A bao gồm nhưng không giới hạn bởi khoản nợ gốc lãi, phí, tiền phạt và các khoản phải trả khác ...”*. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản đảm bảo là xe ô tô biển số 51H – 789.69, hiệu TOYOTA, loại xe: Ô tô con; số máy 2NRX610051, số khung 8F31L5092876 và xe ô tô biển số 51H – 794.22, hiệu TOYOTA, loại xe: Ô tô con, số máy 2NRX 615714, số khung 8F33L5094080 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 601831 và số 605375 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2020 và ngày 20/9/2020, nếu đến hạn mà ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7759170.20 ngày 10/9/2020; Hợp đồng tín dụng số 1222604.20 ngày 29/9/2020, Đề nghị phát hành thẻ ngày 05/9/2023 là phù hợp quy định tại Điều 299, khoản 6 Điều 320, khoản 2 Điều 324 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo sau khi phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn thì bị đơn được quyền nhận lại số tiền chênh lệch theo quy định tại khoản 2 Điều 307 Bộ luật dân sự năm 2015. Nếu giá trị tài sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ đối với nguyên đơn.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét tại chỗ là 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo

quy định.

- Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 299; khoản 2 Điều 307; khoản 6 Điều 320; khoản 2 Điều 324; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

- Buộc ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Q theo Hợp đồng tín dụng số 7759170.20 ngày 10/9/2020; Hợp đồng tín dụng số 1222604.20 ngày 29/9/2020, Đề nghị phát hành thẻ ngày 05/9/2023 tạm tính đến ngày 09/7/2026 là 676.171.179 (sáu trăm bảy mươi sáu triệu một trăm bảy mươi một nghìn một trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó nợ gốc là 435.850.000 (bốn trăm ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng; nợ lãi trong hạn là 74.638.924 (bảy mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn chín trăm hai mươi bốn) đồng, lãi quá hạn là 165.682.256 (một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn hai trăm năm mươi sáu) đồng. Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 7759170.20 ngày 10/9/2020: Nợ gốc là 196.000.000 (một trăm chín mươi sáu triệu) đồng, nợ lãi là trong hạn là 28.353.507 (hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi ba nghìn năm trăm lẻ bảy) đồng, nợ lãi quá hạn là 66.090.005 (sáu mươi sáu triệu không trăm chín mươi mười nghìn không trăm lẻ năm) đồng. Tổng cộng là 290.443.512 (hai trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm mười hai) đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 1222604.20 ngày 29/9/2020: Nợ gốc là 200.900.000 (hai trăm triệu chín trăm nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn là 29.262.713 (hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm mười ba) đồng, nợ lãi quá hạn: 66.632.153 (sáu mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn một trăm năm mươi ba) đồng.

+ Đề nghị phát hành thẻ ngày 05/9/2023: Nợ gốc là 38.950.000 (ba mươi

tám triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn là 17.022.704 (mười bảy triệu không hai mươi hai nghìn bảy trăm lẻ bốn) đồng, nợ lãi quá hạn là 32.960.098 (ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn không trăm chín mươi tám) đồng.

- Thời hạn thi hành: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.
- Địa điểm thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận tương ứng với Hợp đồng tín dụng số 7759170.20 ngày 10/9/2020; Hợp đồng tín dụng số 1222604.20 ngày 29/9/2020, Đề nghị phát hành thẻ ngày 05/9/2023. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất tiếp tục thanh toán sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[3]. Sau khi ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 trả hết số nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng phải giải chấp tài sản đảm bảo là là xe ô tô biển số 51H – 789.69, hiệu TOYOTA, loại xe: Ô tô con; số máy 2NRX610051, số khung 8F31L5092876 và xe ô tô biển số 51H – 794.22, hiệu TOYOTA, loại xe: Ô tô con, số máy 2NRX 615714, số khung 8F33L5094080 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 601831 và số 605375 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/2020 và ngày 20/9/2020 theo quy định của pháp luật.

[4]. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là ô tô biển số 51L – 369.62, hiệu HYUDAI, loại xe: Ô tô con; số máy G4FLRQ404172, số khung RLUPB812ERT010019 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 118486 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/11/2024 theo Hợp đồng thế chấp số 9797422.24 ngày 01/11/2024 để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo sau khi phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q thì ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 được quyền nhận lại số tiền chênh lệch theo quy định tại khoản 2 Điều 307 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Bảo T và bà Lê Thị Phương T1 phải chịu án phí là 31.046.847 (ba mươi một triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm bốn bảy) đồng.

- Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 12.967.390 (mười hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi) đồng cho theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0078756 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[7] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

[8] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 9 – TP.HCM;
- THA DS TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hoàng Lâm